| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN K**<br>**TỈNH HƯNG YÊN**<br>---------- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc<br>----------<br>*K, ngày 04 tháng 05 năm 2023* |

Số: 69/2023/QĐST-HNGĐ

# QUYẾT ĐỊNH

## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 60A/2022/TLST – HNGĐ ngày 09/03/2022, giữa:

***/ Nguyên đơn*: -** Chị Nguyễn Như Q, sinh năm 1994;

Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

***/ Bị đơn***: - Anh Trần Văn N, sinh năm 1991;

Đăng ký HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Hiện trú tại: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Cháu Trần Anh T1, sinh ngày 25/9/2015;
- Cháu Trần Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/10/2016.

Giám hộ cho cháu T1 là anh Trần Văn N – Bố đẻ của cháu.

Giám hộ cho cháu L là chị Nguyễn Như Q – Mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 135:

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình 134; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 135; Nghị quyết số 326/136/UBNVQH14 ngày 30/12/136 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 04 năm 2023.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 04 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1/ **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: Nguyên đơn chị Nguyễn Như Q và bị đơn anh Trần Văn N.

2/ **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

* *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Nguyễn Như Q và bị đơn anh Trần Văn N đều nhất trí thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* - Giao cháu Trần Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/10/2016 cho chị Nguyễn Như Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành (đủ 18 tuổi);

- Giao cháu Trần Anh T1, sinh ngày 25/9/2015 cho anh Trần Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T1 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Q và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Q và anh N được quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

**/ Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Như Q và anh Trần Văn N tạo lập được khối tài sản chung là Thửa đất số 27, tờ bản đồ 21, diện tích 128 m2 tại Thôn Tử Dương, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Trên đất xây dựng một ngôi nhà có ba tầng 01 tum vào năm 2017.

Chị Nguyễn Như Quỳnh được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với toàn bộ Thửa đất số 27, tờ bản đồ 21, diện tích 128 m2 cùng tài sản trên đất là 01 ngôi nhà có ba tầng 01 tum; tại Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. (Có sơ đồ kèm theo). Đồng thời chị Nguyễn Như Q có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục, thực hiện các nghĩa vụ đối với quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của mình theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Như Q có trách nhiệm thanh toán cho anh Trần Văn N số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Chị Q đã thanh toán đủ số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) cho anh N tại Tòa án nhân dân huyện K vào ngày 26/4/2023, đồng thời cũng kể từ sau ngày 26/4/2023 anh Trần Văn N không còn bất kì quyền lợi gì liên quan đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ 21, diện tích 128 m2 cùng tài sản trên đất tại Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

** Về công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:* Chị Q và anh N không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

****/ Về án phí:***

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Như Q tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0008262 ngày 09/03/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên chị Q được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Như Q và anh Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điểm d Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Toà án. Trả lại anh Trần Văn N số tiền tạm ứng án phí 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008261 ngày 09/03/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Đ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

**Bùi Văn T**